

Số: 318^A /QĐ-HĐQT

Hải Dương, ngày 20 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành Quy chế công bố thông tin

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN REDSTARCERA

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Nghị quyết số: 316^A /NQ-HĐQT ngày 16 /7/2021 của Hội đồng quản trị về thông qua các nội dung tại phiên họp HĐQT lần thứ 2;

Theo đề nghị của Thư ký Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này *Quy chế công bố thông tin* của Công ty cổ phần RedstarCera.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông, bà: Thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng Công ty căn cứ Quyết định thi hành. / *OK*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TVHĐQT;
- P.TCKT, BKS;
- Lưu: VT, TK Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đông Tuấn Vũ

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo QĐ số: 318^A/QĐ-HĐQT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần RedstarCera)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

1. Quy chế này quy định nội dung, trình tự các bước công việc thực hiện công bố thông tin của Công ty cổ phần RedstarCera.
2. Quy định trách nhiệm, quyền hạn của các cá nhân, bộ phận thuộc Công ty trong việc xây dựng nội dung và thực hiện công bố thông tin nhằm công khai các hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông đồng thời tuân thủ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty và quy định về công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và các cơ quan, tổ chức khác.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này được áp dụng để thực hiện việc công bố thông tin của Công ty cổ phần RedstarCera.
2. Quy chế này áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc (Thư ký Công ty và các phòng nghiệp vụ) thuộc Công ty cổ phần RedstarCera.

Điều 3. Giải thích từ ngữ, các từ viết tắt

1. Giải thích từ ngữ
 - Cổ đông nội bộ: Là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính kế toán của Công ty
 - Tổ chức kiểm toán được chấp thuận: Là doanh nghiệp kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo điều kiện do Bộ Tài chính quy định.
 - Sổ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết: Là sổ cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty đã phát hành trừ đi sổ cổ phiếu quỹ của Công ty.
2. Các từ viết tắt
 - CBTT: Công bố thông tin
 - NCBTT: Người được ủy quyền công bố thông tin
 - Công ty: Công ty cổ phần RedstarCera
 - HĐQT: Hội đồng quản trị

- TGD: Tổng Giám đốc
- BKS: Ban kiểm soát
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- SXKD: Sản xuất kinh doanh
- TTCK: Thị trường chứng khoán
- UBCKNN: Ủy ban chứng khoán nhà nước
- SGDCKHN: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- TTLKCK: Trung tâm lưu ký chứng khoán
- IDS: Hệ thống công bố thông tin IDS của UBCKNN.
- CIMS: Hệ thống công bố thông tin CIMS của SGDCKHN.
- TCKT: Phòng Tài chính kế toán
- TCHC: Phòng Tổ chức hành chính

Điều 4. Yêu cầu thực hiện công bố thông tin

1. Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán, và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Việc CBTT của Công ty phải được báo cáo và công bố thực hiện trên hệ thống IDS (báo cáo điện tử qua hệ thống IDS) của UBCKNN và hệ thống CIMS (báo cáo điện tử qua hệ thống CIMS của SGDCKHN) về nội dung thông tin công bố.

3. Công ty lập trang thông tin điện tử (Website) <https://redstarcera.com> Các thông tin phải công bố định kỳ, bất thường và theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty thông báo với UBCKNN, SGDCKHN về địa chỉ Website của Công ty và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày thay đổi.

4. Ngày Công ty công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên phương tiện công bố thông tin IDS, CIMS và Website Công ty; ngày báo cáo về việc công bố thông tin là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử (qua email hoặc qua hệ thống IDS, CIMS), hoặc ngày UBCKNN, SGDCKHN nhận được thông tin công bố bằng văn bản.

5. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Công ty đồng thời báo cáo và có văn bản giải trình với UBCKNN, SGDCKHN.

6. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, thì việc CBTT thực hiện vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

Điều 6. Thẩm quyền công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin của Công ty do TGD là người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được TGD ủy quyền CBTT thực hiện. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do NCBTT công bố.

2. Trường hợp TGD ủy quyền cho người khác CBTT thì Công ty phải đăng ký người được ủy quyền thực hiện CBTT theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC và gửi UBCKNN, SGDKHN. Trường hợp thay đổi NCBTT, Công ty thông báo bằng văn bản cho UBCKNN và SGDKHN trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực.

3. Trường hợp cá nhân tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, trong lần công bố thông tin đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho UBCKNN và SGDKHN Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nêu trên.

Điều 7. Phương tiện và hình thức công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin được thực hiện trên Báo cáo thường niên hàng năm, Website và các ấn phẩm khác của Công ty.

Các phương tiện công bố: Hệ thống công bố thông tin IDS của UBCKNN, hệ thống công bố thông tin CIMS của SGDKHN, và website Công ty.

2. Tất cả các thông tin cung cấp phục vụ cho việc CBTT đều được thể hiện dưới hình thức văn bản và dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số của TGD theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDKHN và các cơ quan/tổ chức khác (nếu có). Đồng thời Công ty có trách nhiệm gửi các thông tin dưới hình thức dữ liệu điện tử qua đường email theo yêu cầu cho người có trách nhiệm tại UBCKNN, SGDKHN và các cơ quan/tổ chức khác.

Điều 8. Cung cấp thông tin cho các phương tiện thông tin đại chúng

Các cá nhân, đơn vị được TGD Công ty ủy quyền làm việc với các phương tiện thông tin đại chúng thông qua một số hình thức như: trả lời phỏng vấn, đưa thông tin và viết bài về các vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty phải trình TGD các thông tin dự định cung cấp, đề cập... đồng thời chịu trách nhiệm trước TGD về nội dung thông tin cung cấp cho các phương tiện thông tin đại chúng.

Chương II

THỦ TỤC, QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 9. Trình tự thực hiện công bố thông tin

1. Cung cấp thông tin

1.08
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA
LIÊN BANG
VIỆT NAM
edst
LINH

Khi phát sinh thông tin thì phải công bố theo quy định, các phòng, bộ phận liên quan chủ động phối hợp với Thư ký Công ty (tùy theo nhiệm vụ và nội dung) để lập văn bản trình TGD hoặc NCBTT của Công ty.

Việc cung cấp thông tin của các phòng, bộ phận trong Công ty phải được thực hiện bằng văn bản (bản cứng) và email (bản mềm) kèm theo cho NCBTT hoặc Cán bộ sử dụng hệ thống IDS, CIMS (ô. Nghĩa – P.TCHC).

2. Xử lý thông tin

NCBTT cùng phòng, bộ phận liên quan tiến hành kiểm tra tính chính xác và tính phù hợp của nội dung báo cáo, đối chiếu báo cáo với các quy định hiện hành về CBTT, chỉnh sửa hoặc lập mới báo cáo theo các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC và các mẫu biểu hướng dẫn ban hành kèm theo Quy chế này.

3. Trình Tổng Giám đốc phê duyệt

Thư ký Công ty, phòng chức năng hoặc NCBTT trình TGD ký duyệt nội dung CBTT. Báo cáo CBTT phải có chữ ký tắt của Thư ký hoặc Trưởng phòng Công ty.

4. Báo cáo và công bố thông tin

Thư ký Công ty, phòng chức năng hoặc NCBTT chuyển văn bản đã được TGD phê duyệt và 01 bản qua Email của Cán bộ sử dụng hệ thống IDS, CIMS phòng TCHC để thực hiện các bước sau đây:

- Cán bộ sử dụng hệ thống IDS, CIMS tiếp nhận văn bản đã được duyệt để lưu trữ và công bố trên Website Công ty, đồng thời gửi văn bản có chữ ký số của TGD trên hệ thống công bố thông tin IDS, CIMS.

- Cán bộ sử dụng hệ thống IDS, CIMS hoặc NCBTT có trách nhiệm gửi các thông tin dưới hình thức dữ liệu điện tử qua đường email hoặc qua đường bưu điện theo yêu cầu cho người có trách nhiệm tại UBCKNN, SGDCCKHN và các cơ quan, tổ chức khác (nếu có).

5. Bảo quản và lưu trữ thông tin

- Thông tin công bố được lưu giữ tại: Cán bộ sử dụng hệ thống IDS, CIMS file dữ liệu, tại Văn thư dưới dạng văn bản.

- Báo cáo tài chính năm và Báo cáo thường niên phải được bảo quản, lưu trữ ít nhất 10 năm tại trụ sở chính Công ty.

- Văn thư Công ty có trách nhiệm lưu trữ theo quy định hiện hành đối với báo cáo đã gửi đi có đóng dấu công văn đi, các giấy báo phát của bưu điện để làm bằng chứng cho việc gửi báo cáo, công bố thông tin của Công ty và cùng với Thư ký Công ty phục vụ tham khảo, tra cứu và đối chiếu khi cần thiết theo yêu cầu của nhà đầu tư và các cơ quan/tổ chức khác (nếu có).

- Báo cáo gửi qua email phải được lưu trữ trên máy tính và in ra để lưu kèm với bản lưu công văn đi.

Chương III

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Điều 10. Thông tin cần công bố

Công ty công bố các thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 11. Công bố thông tin định kỳ

1. Báo cáo tài chính năm

Công ty phải công bố thông tin về Báo cáo tài chính năm (Báo cáo tài chính hợp nhất) đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán được chấp thuận chậm nhất mười ngày (10 ngày) kể từ ngày công ty kiểm toán ký báo cáo kiểm toán. Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tài chính năm không quá chín mươi ngày (90 ngày) kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Nội dung cụ thể như sau:

- Báo cáo tài chính năm của Công ty phải bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán.

- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính phải đầy đủ các nội dung theo quy định của pháp luật về kế toán. Trường hợp Bản thuyết minh Báo cáo tài chính có chỉ dẫn đến Phụ lục, thì Phụ lục phải được công bố cùng bản thuyết minh Báo cáo tài chính. Thuyết minh Báo cáo tài chính phải trình bày cụ thể các nội dung giao dịch với các bên liên quan theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

- Công ty phải công bố đầy đủ nội dung thông tin về Báo cáo tài chính trên các phương tiện: Website của Công ty, trên hệ thống IDS, CIMS và gửi bản cứng về UBCKNN, SGDCCKHN; đồng thời Công ty đăng tải ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính năm trên 01 số báo có phạm vi phát hành toàn quốc kèm theo địa chỉ Website của Công ty đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính năm để nhà đầu tư tham khảo.

2. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập Báo cáo thường niên (theo Phụ lục IV Thông tư số 96/2020/TT-BTC) và phải công bố thông tin về Báo cáo thường niên chậm nhất 20 ngày sau khi công bố Báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

Công ty phải công bố thông tin về Báo cáo thường niên trên: Website của Công ty, trên hệ thống IDS và CIMS.

3. Báo cáo tình hình quản trị Công ty

Định kỳ 06 tháng và kết thúc năm Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty (theo Phụ lục IV Thông tư số 96/2020/TT-BTC). Thời hạn báo cáo và công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng và năm chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo (kết thúc 6 tháng và kết thúc năm).

4. Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc Công ty phải công bố toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên/bất thường, bao gồm: Thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thuộc chương trình nghị sự Đại hội cần thảo luận làm cơ sở thông qua Nghị quyết đối với từng vấn đề trên Website của Công ty, đồng thời với việc gửi thông báo về việc mời họp và hướng dẫn truy cập Website về việc họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ.

Công ty phải công bố thông tin về Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ trong vòng 24 giờ kể từ khi kết thúc họp ĐHĐCĐ.

5. Công bố thông tin về việc chào bán chứng khoán và tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (nếu có): được thực hiện theo quy định pháp luật về chào bán chứng khoán.

Điều 12. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- Tài khoản của Công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;

- Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy đăng ký kinh doanh);

- Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ (kèm theo Biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc Biên bản kiểm phiếu) về việc thông qua các Quyết định của ĐHĐCĐ bất thường/lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;

- Quyết định của HĐQT về việc mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán lại cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

- Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT (kèm Biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc Biên bản kiểm phiếu) về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, phát hành cổ phiếu thưởng; về việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp; tách, gộp cổ phiếu;

- Quyết định về việc tổ chức lại Công ty (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình Công ty), giải thể, phá sản Công ty; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

- Báo cáo kiểm toán có ý ngoại trừ, ý kiến không chấp nhận hoặc ý kiến từ chối của tổ chức kiểm toán đối với báo cáo tài chính; công bố công ty kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm; thay đổi công ty kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng) hoặc việc từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của công ty kiểm toán; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có);

- Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty đại chúng;

- Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (TVHĐQT, TGD, Phó TGD, TV BKS, Kế toán trưởng, Thư ký Công ty). Đồng thời, Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;

- Có quyết định khởi tố, bản án, quyết định của Tòa án đối với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, thành viên BKS, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính kế toán; có quyết định khởi tố, bản án, quyết định của tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; có kết luận của cơ quan thuế về việc Công ty vi phạm luật về thuế;

- Khi có thông báo của tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

- Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty;

- Công ty nhận được thay đổi nội dung liên quan đến Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Khi có sự thay đổi số cổ phiếu quyền biểu quyết đang lưu hành do phát hành thêm; mua, bán cổ phiếu quỹ tính tại thời điểm chứng khoán chính thức được đăng ký;

- Khi xảy ra các sự kiện có ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD hoặc tình hình quản trị của Công ty;

2. Công ty phải công bố thông tin bất thường khác theo quy định tại khoản 3,4,5,6 Điều 11 của Thông tư 96/2020/TT-BTC.

3. Công ty phải công bố thông tin về các sự kiện quy định tại khoản 1 và 2 của Điều này trên Website của Công ty, hệ thống IDS và hệ thống CIMS.

Công ty khi công bố thông tin bất thường phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, kế hoạch và giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 13. Công bố thông tin khác

1. Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCKHN trong các sự kiện sau đây:

- Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;



- Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Chương IV CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Điều 14. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông lớn

1. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn (nắm giữ 5% trở lên) số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCK (theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC) trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan nắm giữ từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty có thay đổi về số lượng số cổ phiếu vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%) số lượng cổ phiếu (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng thừa kế chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm... hoặc không thực hiện giao dịch cổ phiếu phải thực hiện báo cáo cho Công ty, UBCKNN và SGDCK (theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC) trong vòng 05 ngày kể từ ngày có sự thay đổi trên.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Thông 96/2020/TT-BTC.

4. Quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 15. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.

1. Người nội bộ, người có liên quan phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK và Công ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên, kể cả trường hợp (giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc (theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC);

b) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK;

c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, chứng chỉ quỹ hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;

2. Trường hợp cổ đông nội bộ đồng thời là cổ đông lớn thì thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với cổ đông nội bộ.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, Công ty phải công bố trên Website của Công ty.

Điều 16. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai và Công ty khi bị chào mua phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn thi hành luật.

Điều 17. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ

Khi thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo giao dịch của luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn thi hành.

Chương V TẠM HOÃN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 18. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Trường hợp việc công bố thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn vì lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn và những trường hợp khác được UBCKNN chấp nhận cho tạm hoãn công bố thông tin) Công ty phải báo cáo UBCKNN ngay khi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, hoặc trước thời hạn công bố thông tin với những trường hợp khác mà Công ty đề nghị UBCKNN chấp thuận cho tạm hoãn công bố và phải thực hiện công bố thông tin ngay sau khi sự kiện bất khả kháng đã được khắc phục.

2. Việc tạm hoãn công bố thông tin được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản phải được công bố trên phương tiện công bố thông tin của Công ty, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin.

Chương VI **KHEN THƯỞNG KỶ LUẬT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 19. Khen thưởng

Các tổ chức, cá nhân thuộc Công ty thực hiện tốt công tác quản lý công bố thông tin có tác dụng tích cực đối với hoạt động SXKD của Công ty được xem xét, đề nghị khen thưởng theo Quy chế thi đua, khen thưởng của Công ty.

Điều 20. Kỷ luật

Các tổ chức cá nhân thuộc Công ty vi phạm quy trình công bố thông tin; tiết lộ bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh, công bố thông tin sai sự thật hoặc vi phạm thời hạn công bố bị UBCKNN phạt gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động SXKD và uy tín của Công ty sẽ bị xử lý theo các quy định hiện hành của Công ty và pháp luật.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế công bố thông tin của Công ty được áp dụng trong hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật, những vấn đề khác không được đề cập tại Quy chế này sẽ được điều chỉnh theo quy định pháp luật có liên quan.

2. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và bộ máy giúp việc (các Phòng, Ban nghiệp vụ) thuộc Công ty, các cổ đông, tổ chức và cá nhân có liên quan thuộc Công ty có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện đầy đủ các quy định trong Quy chế này.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung và hiệu lực thi hành

1. Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản pháp luật liên quan đến Quy chế này có thay đổi, bổ sung thì áp dụng theo quy định của pháp luật. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế (nếu có) do HĐQT Công ty quyết định.

2. Quy chế này có hiệu lực từ ngày ký, mọi quy định trái với nội dung Quy chế này đều được bãi bỏ./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đông Tuấn Vũ